

Bản án số: **154/2024/HS-PT**
Ngày: 28-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Bà Trần Thị Trâm Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 117/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo **Danh D** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2024/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Danh Dang, sinh ngày 16/08/1992; Nơi ĐKTT và cư trú: Tổ F, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Danh S** và bà **Trịnh Kim H**; (vợ thứ nhất: **Nguyễn Thị Kim M**, chết; vợ thứ hai: **Danh Ngọc D1**, chưa đăng ký kết hôn); tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 28/6/2021, TAND huyện Hòn Đất, Kiên Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 20 tháng theo Quyết định số 06/QĐ-TA; đã chấp hành xong ngày 21/10/2022.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2023 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*Người bào chữa cho bị cáo **Danh D**:* Bà **Nguyễn Thúy L** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T2, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 05/11/2023, Danh D tổ chức nhậu tại nhà, gồm có: Phan Nhật L1, Phạm Thành Đ, Lâm Văn M1, Danh C và Phan An N. Trong lúc ngồi nhậu, Danh D gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Ô rủ xuống nhà nhậu, đồng thời nhờ Ô mua ma túy 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để cả nhóm sử dụng. Ô nói không có tiền nên D kêu Ô đợi Dang chuyển khoản.

Do D cũng không có tiền nên D đưa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo cho Phan Nhật L1, kêu Lâm Văn M1 điều khiển xe chở L1 đến tiệm C1, ở ấp H, xã T, huyện H để cầm. L1 cầm được 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) rồi cùng M1 lên xe mô tô chạy về. Trên đường về, L1 và M1 ghé vào tiệm thuốc tây (không xác định địa chỉ) đưa 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) cho chủ tiệm thuốc tây, nhờ chuyển tiền vào số tài khoản của L1 đang quản lý, sử dụng, còn 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) L1 mua nước uống. Dang kêu L1 chuyển khoản 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho Ô để mua ma túy.

Khi nhận được tiền, Ô gọi điện thoại cho đối tượng tên Lê Anh D2 (không rõ lai lịch) để hỏi mua ma túy 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), D2 kêu Ô đợi ở nhà sẽ có người đến giao ma túy, nói xong Ôsil chuyển 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) vào số tài khoản cho D2, khoảng 10 phút sau có số điện thoại lạ gọi cho Ô cho biết địa điểm để ma túy, nghe điện thoại xong Ôsil xóa số nhật ký cuộc gọi, rồi đi ra đầu hẻm trước nhà nhận 01 gói ma túy. Sau đó, Ô cầm gói ma túy rồi điều khiển xe mô tô biển số 68S1-221.28 đến nhà D.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, L1 điện thoại cho Ô và chở M1 đi đón Ô. Khi đi đến cầu V, xã T thì L1, M1 gặp Ô, L1 qua xe Ôsil để chở Ô, M1 chạy xe về đến nhà của D, lúc này D, Danh Ngọc D1, Phan An N, Võ Tuấn A, Nguyễn Ngọc T và Phạm Thành Đ đang ngồi nhậu. Ô đi vào, cầm gói ma túy vừa mua tại thành phố R ném xuống trước mặt D, D cầm gói ma túy rồi kêu L1 đi vào phòng ngủ của D lấy 01 (một) cái bình và 01 (một) bộ dụng cụ (nỏ) để sử dụng ma túy, L1 cầm gói ma túy đổ một phần ma túy vào bên trong bình dùng quẹt đốt lên, L1 sử dụng ma túy đầu tiên rồi cả nhóm xoay vòng cùng nhau sử dụng gồm: Dang, M1, Ô, Võ Tuấn A, Danh C, Nguyễn Ngọc T, Danh Ngọc D1 và Phạm Thành Đ. Trong lúc đang sử dụng ma túy, D lấy gói ma túy của Ô mua cho D chia ra làm 02 (hai) gói, lấy 01 (một) cục ma túy bỏ vào giữa tờ tiền mệnh

giá 1.000 đồng rồi gấp lại, số ma túy còn lại trong túi ni lông D cầm đem lên cất giấu ở gần bếp nấu ăn.

D đi vào phòng ngủ của mình lấy 01 (một) khẩu súng Rullo, tháo các bộ phận của khẩu súng ra để lau chùi, lúc này Lê Thanh N1 đến nhà D, L1 đi ra mở cửa cho N1 thì phát hiện lực lượng Công an, L1 tri hô, thấy vậy D cầm tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng bên trong có 01 (một) cục ma túy ném vào trong bồn cầu nhà vệ sinh và ném gói ma túy giấu ở bếp nấu ăn ra ngoài cửa sổ. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng Công an đến bắt quả tang thu giữ trong bồn cầu nhà vệ sinh tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng bên trong có 01 cục ma túy và 01 gói ma túy mà D đã ném; 02 khẩu súng loại R và dụng cụ dùng cho việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 1132/KL-KTHS ngày 13/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh K kết luận: 01 (một) cục tinh thể rắn trong suốt có khối lượng 0,3510 gam chứa trong 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng gấp lại được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 1136/KL-KTHS ngày 13/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh K kết luận: Các hạt tinh thể rắn, màu trắng, không đồng nhất chứa trong 01 (một) gói nylon được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,8595 gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục IIC, STT 247 Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Tại bản kết luận giám định số 7042/KL-KTHS ngày 15/11/2023 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ C2 tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Cây súng bằng kim loại gửi giám định (ký hiệu A) nguyên là súng đồ chơi nguy hiểm được chế tạo thủ công để bắn với đạn thể thao cỡ (5,6x15)mm. Hiện tại súng không bắn được đạn nổ nên không phải là vũ khí, vũ khí quân dụng hay công cụ hỗ trợ.

- Cây súng bằng kim loại gửi giám định (ký hiệu A1) là súng chế tạo thủ công nòng nhả sử dụng để bắn với đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm. Hiện tại súng có đủ bộ phận và bắn được đạn nổ. Khẩu súng nêu trên là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và thuộc vũ khí quân dụng.

* Về thu giữ vật chứng của vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ:

- 1) 01 (một) phong bì bao gồm 01 túi niêm phong đựng mẫu, 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng và các hạt tinh thể là chất ma túy, loại

Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,2944 gam, được niêm phong trong một phong bì ký hiệu vụ số 1132/2023.

2) 01 (một) phong bì có ký hiệu vụ số 1136/2023, bên trong có một gói nylon chứa chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,8280 gam.

3) 01 (một) đoạn đầu chai nhựa có nắp vặn màu trắng, kích thước 5cm x 4cm, trên nắp chai nhựa có gắn hai đoạn ống thủy tinh trong suốt, một đoạn gắn trong chai nhựa dài 9cm, một đoạn gắn trên nắp chai nhựa dài 4,5cm, có gắn ống hút nhựa màu xanh dài 30cm.

4) 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu trắng đen, đã qua sử dụng.

5) 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO, màu xanh đen, đã qua sử dụng.

6) 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 12 Promax, đã qua sử dụng.

7) 01 điện thoại di động, nhãn hiệu S3 A20s, màu xanh đen, màn hình bị nứt kính, đã qua sử dụng.

Những vật chứng từ mục 1 đến mục 7 đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

* Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) cây súng bằng kim loại, thân súng màu đen, ốp tay cầm màu bạc, trên thân súng có ký hiệu MADE IN CHINA, SMITH & WESSON, số hiệu XYL230308868 (ký hiệu A). Cơ quan CSĐT Công an huyện đã chuyển cho Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh K.

- 01 (một) cây súng bằng kim loại, thân súng màu trắng, ốp tay cầm màu đen, trên thân súng có ký hiệu MADE IN CHINA, SMITH & WESSON (ký hiệu A1). Cơ quan CSĐT Công an huyện đã chuyển cho Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh K.

** Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2024/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

1. Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Danh D 02 (H1) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Danh Dang 08 (T1) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Danh D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội danh nêu trên là 10 (M2) năm tù. Thời điểm tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/11/2023.

Xử phạt bị cáo Phan Nhật L1 07 (B) năm tù; bị cáo Lâm Văn M1 07 (Bảy) năm tù và bị cáo Nguyễn Thị Ô 08 (T1) năm tù cùng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/7/2024, bị cáo Danh D có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:** Bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về tội danh, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự có căn cứ và đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xử phạt bị cáo 10 năm tù về 02 tội danh là tương xứng hành vi phạm tội. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 05/11/2023, tại Tổ F, ấp H, xã T, huyện

H, tỉnh Kiên Giang, Danh D, Phan Nhật L1, Lâm Văn M1 và Nguyễn Thị Ô đã có hành vi mua ma túy về tổ chức sử dụng trái phép cho Võ Tuấn A, D, Nguyễn Ngọc T, Danh Ngọc D1 và Phạm Thành Đ thì bị phát hiện bắt giữ. Ngoài ra bị cáo Danh D còn có hành vi cất giấu 02 (hai) gói ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 1,2105 gam. Do đó cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 và 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức được rằng, Nhà nước nghiêm cấm mọi hoạt động tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm. Hành vi của bị cáo mua ma túy về tổ chức sử dụng và cất giấu sử dụng là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 10 năm tù đối với 2 tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo có 01 tiền sự đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 20 tháng để điều trị nhưng bị cáo vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Danh D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Danh D 02 (H1) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Danh D 08 (T1) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Danh D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (M2) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/11/2023.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp . (1);
- TAND Cấp cao tại Tp . (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh K (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trương Ngọc H2

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Danh D thống nhất với tội danh mà Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở địa bàn có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức văn hóa thấp, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình nuôi 03 (ba) con nhỏ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự

cho bị cáo Danh D được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như nội dung bản Cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2024/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Áp dụng: điểm c, khoản 1, Điều 249, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Danh Dang 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: điểm b, khoản 2, Điều 255, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Danh Dang 08 (tám) năm tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1, Điều 55 Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Danh D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội danh nêu trên là 10 (mười) năm tù.

2. Áp dụng: điểm b, khoản 2, Điều 255, điểm s, khoản 1, Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phan Nhật L1 07 (bảy) năm tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

3. Áp dụng: điểm b, khoản 2, Điều 255, điểm s, khoản 1, Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lâm Văn M1 07 (bảy) năm tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

4. Áp dụng: điểm b, khoản 2, Điều 255, điểm s, khoản 1, Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ô 08 (tám) năm tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Bị hại Trần Thị Hồng S1 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt.

- Luật sư Phạm Hoàng K là người chữa cho bị cáo trình bày ý kiến:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại là không có căn cứ xem xét vì cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng mức độ, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bị hại.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Khi gặp bị hại, bị cáo nhớ lại chuyện trước đây, dì của bị cáo là Huỳnh Thị Kiều S2 vay tiền của bị hại S1 và không có khả năng trả nên giữa bị hại và bị cáo có nhắn tin qua lại trên facebook, bị cáo yêu cầu Soan gỡ hình S2 và con gái của S2 xuống nhưng S1 không thực hiện nên bị cáo tức giận, khi bị hại đi ngang qua bàn tiệc của bị cáo thì bị cáo đi tới, cố tình đụng vào người bạn đi cùng với bị hại làm cho bị hại té ngã, khi bị hại đứng dậy thì bị cáo dùng ly thủy tinh để uống bia đang cầm trên tay đánh một cái vào vùng trán của bị hại làm ly thủy tinh vỡ ra nhiều mảnh gây thương tích, chảy máu nhiều nơi trên cơ thể bị hại. Hậu quả làm cho bị hại bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 13%.

Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phan Thụy Yên L2 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt.

[3.1] Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. HĐXX xét thấy, do có mâu thuẫn trước đó khi bị hại đi ngang qua bàn của bị cáo, bị cáo dùng ly thủy tinh để uống bia đang cầm trên tay đánh bị hại bị hại. Hậu quả làm cho bị hại bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 13%. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo rất hung hăng, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.2] Xét kháng cáo của bị hại: Bị hại cho rằng mức án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là chưa nghiêm, yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. HĐXX nhận thấy, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị hại kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới, tại phiên tòa bị cáo cũng có thái độ ăn năn hối cải, đồng ý bồi thường cho bị hại. Từ đó không cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo bà bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan điểm của luật sư:

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 đồng.

Bị hại kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 đồng.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét00.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.
- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thụy Yến L2;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Thị Hồng S1;
- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 02/2024/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Phan Thụy Yến L2** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo **Phan Thụy Yến L2** 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thụy Yến L2 phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 đồng.

Bị hại Trần Thị Hồng S1 phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 đồng.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 02/2024/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp . HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS TP huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

Trương Ngọc Hồng